Chi tiết mã HS 8508.19.90

Mã HS	8508.19.90
Mô tả hàng hóa	Máy hút bụi / - Có động cơ điện gắn liền: / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 00:37:57
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85081990/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15149
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15149
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15149
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-BN, KH)	0% (trừ BN, KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH, LA, MM)	0% (trừ KH, LA, MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14449
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14390
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14390
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14390
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14390
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14390
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14390
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14444
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14444
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14444
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14444

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14444
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14444
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14445
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14445
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14445
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14445
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14445
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14445
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14448
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14396
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14404
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14404
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14404
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14404
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14404
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14404
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14435
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14435
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14435
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14435
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14435
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14435
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14490
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14490
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14490
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14490

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14490
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14490
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14467
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14467
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14467
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14467
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14467
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14467
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14467
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14467
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14467
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14467
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14467
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14467
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14482
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14482
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14482
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14482
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14482
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14482
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14481
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14481
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14481
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14481
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14481
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14481

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14474
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14474
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14474
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14474
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14474
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14474
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14474
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14469
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14469
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14469
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14469
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14469
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14469
RCEP B	2022	2022	0	B!D14469
RCEP B	2023	2023	0	B!E14469
RCEP B	2024	2024	0	B!F14469
RCEP B	2025	2025	0	B!G14469
RCEP B	2026	2026	0	B!H14469
RCEP B	2027	2027	0	B!I14469
RCEP C	2022	2022	0	C!D14469
RCEP C	2023	2023	0	C!E14469
RCEP C	2024	2024	0	C!F14469
RCEP C	2025	2025	0	C!G14469
RCEP C	2026	2026	0	C!H14469
RCEP C	2027	2027	0	C!I14469
RCEP D	2022	2022	0	D!D14468

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E14468
RCEP D	2024	2024	0	D!F14468
RCEP D	2025	2025	0	D!G14468
RCEP D	2026	2026	0	D!H14468
RCEP D	2027	2027	0	D!I14468
RCEP E	2022	2022	0	E!D14472
RCEP E	2023	2023	0	E!E14472
RCEP E	2024	2024	0	E!F14472
RCEP E	2025	2025	0	E!G14472
RCEP E	2026	2026	0	E!H14472
RCEP E	2027	2027	0	E!I14472
RCEP F	2022	2022	0	F!D14469
RCEP F	2023	2023	0	F!E14469
RCEP F	2024	2024	0	F!F14469
RCEP F	2025	2025	0	F!G14469
RCEP F	2026	2026	0	F!H14469
RCEP F	2027	2027	0	F!I14469
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13463
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13463
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13463
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13463

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Hàng hóa nhóm 2 (2711/QĐ-BKHCN 2022)		2711/QĐ-BKHCN	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8508.19 có 2 dòng thuế; dòng 8508.19.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8508.19.10 Loại phù hợp dùng cho mục đích gia dụng	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8508.19.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8508.19.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15149), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)
Hàng hóa nhóm 2 (2711/QĐ-BKHCN 2022)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.